

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 05/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 09/05/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | ĐIỂM THI | | | GHI CHÚ | |
|----|-------------|-----------------|-----------|------------|--------------|----------|------|---------|-----------|--|
| | | | | | | KTC | THUD | KẾT QUẢ | | |
| 1 | 28212305448 | Lê Nguyễn Bảo | Anh | 22/11/2004 | Kon Tum | 32TSC2 | 8,7 | 6,8 | Đạt | |
| 2 | 28217101550 | Lương Tuấn | Anh | 13/05/2004 | Đắk Nông | 30TYC6 | 5,3 | 8,8 | Đạt | |
| 3 | 29204754505 | Huỳnh Thị Ngọc | Ánh | 13/12/2005 | Đà Nẵng | 32TSC1 | 8,7 | 7,0 | Đạt | |
| 4 | 26203527429 | Phan Lưu Ngọc | Ánh | 16/11/2002 | Quảng Nam | 32TSC1 | 8,7 | 8,5 | Đạt | |
| 5 | 28202841364 | Trần Thị Ngọc | Bích | 24/05/2004 | Quảng Nam | 32TSC1 | 8,0 | 6,3 | Đạt | |
| 6 | 28204606436 | Nguyễn Thị Ngọc | Châu | 19/07/2004 | Hội An | 31TBN19 | 9,7 | 5,3 | Đạt | |
| 7 | 28212306735 | Phạm Thành | Chung | 21/12/2004 | Gia Lai | 32TSC2 | 9,3 | 9,3 | Đạt | |
| 8 | 28214604806 | Trần Phi | Công | 28/03/2004 | Quảng Bình | 32TSC1 | 8,7 | 9,0 | Đạt | |
| 9 | 28212346823 | Nguyễn Tiến | Dầu | 04/11/2004 | Thừa Thiên H | 32TSC2 | 5,0 | 8,0 | Đạt | |
| 10 | 28212745736 | Nguyễn Hữu Minh | Đức | 27/07/2004 | Quảng Trị | 32TSC1 | 5,7 | 6,5 | Đạt | |
| 11 | 29204658568 | Huỳnh Thị Mỹ | Dung | 07/11/2005 | Quảng Nam | 32TSC1 | 9,7 | 8,5 | Đạt | |
| 12 | 28206202610 | Trương Thị Thùy | Dương | 24/07/2004 | Quảng Trị | 31CYC11 | 9,3 | 6,5 | Đạt | |
| 13 | 27214300639 | Huỳnh Trọng | Duy | 16/04/2003 | Đà Nẵng | 32TSC2 | 4,7 | 1,0 | Không Đạt | |
| 14 | 28209447522 | Hoàng Thị Kỳ | Duyên | 25/09/2003 | Gia Lai | 31TSC16 | 5,7 | 6,0 | Đạt | |
| 15 | 29206565489 | H Đô Na | Êban | 02/08/2005 | Hà Nội | 31TBN19 | 5,0 | 5,0 | Đạt | |
| 16 | 28212303003 | Trần Như | Giang | 25/05/2004 | Huế | 32TSC1 | 9,3 | 6,3 | Đạt | |
| 17 | 29206752957 | Nguyễn Ánh | Giao | 05/07/2005 | Đà Nẵng | 32TSC1 | 8,7 | 8,3 | Đạt | |
| 18 | 28208153521 | Y- | Gonh | 20/12/2003 | Gia Lai | 31TSC16 | 5,3 | 5,3 | Đạt | |
| 19 | 29207146793 | Lê Khánh | Hà | 18/08/2005 | Quảng Bình | 32TSC2 | 6,0 | 7,5 | Đạt | |
| 20 | 28206549501 | Nguyễn Thị Thu | Hà | 02/05/2004 | Đắk Lắk | 31TSC9 | 7,7 | 5,5 | Đạt | |
| 21 | 28212303216 | Nguyễn Như | Hải | 03/09/2004 | Gia Lai | 32TSC1 | 8,3 | 6,0 | Đạt | |
| 22 | 28212347659 | Nguyễn Thanh | Hải | 04/03/2004 | Đà Nẵng | 32TSC2 | 9,3 | 5,8 | Đạt | |
| 23 | 28204606195 | Đặng Ngọc Gia | Hân | 23/06/2004 | Daklak | 31TBN14 | 5,3 | 5,5 | Đạt | |
| 24 | 28206202062 | Nguyễn Thuý | Hằng | 04/08/2004 | Quảng Trị | 32TSC2 | 8,3 | 5,3 | Đạt | |
| 25 | 28208020522 | Dương Thị Mỹ | Hạnh | 13/09/2004 | Đà Nẵng | 31SBN10 | 5,3 | 5,8 | Đạt | |
| 26 | 29214557332 | Nguyễn | Hiếu | 19/03/2005 | Đắk Lắk | 31TYC16 | 6,3 | 0,0 | Không Đạt | |
| 27 | 28218206669 | Phùng Thị | Hoa | 22/03/2004 | Gia Lai | 31TSC16 | 7,7 | 5,3 | Đạt | |
| 28 | 29208157333 | Võ Thị Minh | Hòa | 07/04/2005 | Đà Nẵng | 32TSC1 | 8,7 | 5,0 | Đạt | |
| 29 | 29206938137 | Huỳnh Thị | Hồng | 10/07/2005 | Quảng Nam | 32TSC1 | 8,7 | 5,8 | Đạt | |
| 30 | 28208400888 | Hoàng Thị | Huệ | 10/01/2004 | Đắk Nông | 31CHT6 | 8,3 | 6,5 | Đạt | |
| 31 | 29208261602 | Lương Thị | Huệ | 10/04/2005 | Đắk Lắk | 32TSC1 | 6,7 | 8,0 | Đạt | |
| 32 | 29207150782 | Đặng Thị Thúy | Hường | 10/08/2005 | Đắk Lắk | 32TSC2 | 9,3 | 7,5 | Đạt | |

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | ĐIỂM THI | | | GHI CHÚ |
|----|-------------|----------------------|------------|--------------|---------|----------|------|-----------|---------|
| | | | | | | KTC | THUD | KẾT QUẢ | |
| 33 | 29207130089 | Nguyễn Thị Hường | 01/07/2004 | Gia Lai | 32TSC2 | 8,0 | 5,0 | Đạt | |
| 34 | 28212345955 | Nguyễn Quốc Huy | 08/09/2004 | Gia Lai | 32TSC2 | 6,7 | 6,0 | Đạt | |
| 35 | 29209335526 | Nguyễn Ngọc Huyền | 19/05/2005 | Gia Lai | 32TSC2 | 6,3 | 5,3 | Đạt | |
| 36 | 28212654842 | Hồ Văn Huynh | 13/02/2004 | Đà Nẵng | 32TSC2 | 8,3 | 6,0 | Đạt | |
| 37 | 27215351802 | Võ Ngô Hưng Khanh | 16/06/2003 | Đà Lạt | 32TSC1 | 10,0 | 9,8 | Đạt | |
| 38 | 29214556821 | Lê Anh Khoa | 16/04/2005 | Quảng Ngãi | 31TYC16 | 5,0 | 5,0 | Đạt | |
| 39 | 31216274513 | Phùng Đăng Khoa | 04/10/2007 | Đắk Lắk | 32TSC2 | 9,0 | 9,5 | Đạt | |
| 40 | 0935956661 | Mai Trung Kiên | 18/06/2005 | Gia Lai | 32TSC1 | 9,3 | | Không Đạt | |
| 41 | 27214323925 | Ngô Minh Lâm | 02/04/2003 | Đà Nẵng | 32TSC2 | 7,0 | 8,5 | Đạt | |
| 42 | 29208032035 | Trần Thị Thanh Lan | 16/10/2005 | Quảng Bình | 32TSC2 | 8,0 | 6,0 | Đạt | |
| 43 | 29206639862 | Phan Thị Thùy Linh | 26/03/2005 | Đà Nẵng | 32TSC1 | 9,7 | 8,5 | Đạt | |
| 44 | 28205101379 | Tổng Khánh Linh | 01/11/2004 | Kon Tum | 31SBN10 | 5,3 | 6,0 | Đạt | |
| 45 | 28211152016 | Trần Văn Lợi | 04/10/2004 | Đà Nẵng | 32TSC2 | 8,3 | 7,0 | Đạt | |
| 46 | 29216661480 | Nguyễn Mạnh Bảo Luân | 19/01/2005 | Đà Nẵng | 32TSC2 | 6,7 | 7,8 | Đạt | |
| 47 | 25217210004 | Lê Minh Lưu | 19/03/1999 | Bình Định | 31SSC9 | 6,3 | 5,5 | Đạt | |
| 48 | 29206759423 | Kinh Thị Cẩm Ly | 23/04/2005 | Quảng Ngãi | 32TSC1 | 9,3 | 8,3 | Đạt | |
| 49 | 29212351552 | Đặng Nhật Minh | 01/08/2005 | Thừa Thiên H | 32TSC2 | 4,7 | 5,0 | Không Đạt | |
| 50 | 29206749740 | Phạm Hoàng My | 27/11/2005 | Đà Nẵng | 32TSC1 | 6,3 | 6,3 | Đạt | |
| 51 | 29204663850 | Trần Thị Trà My | 07/02/2005 | Lạng Sơn | 32TSC2 | 6,7 | 7,8 | Đạt | |
| 52 | 29204663851 | Trương Thị Diễm My | 19/07/2005 | Đà Nẵng | 32TSC1 | 9,7 | 9,5 | Đạt | |
| 53 | 29204449408 | Dương Thị Thủy Nga | 20/05/2005 | Phú Yên | 32TSC1 | 9,7 | 8,0 | Đạt | |
| 54 | 28202704077 | Trần Thị Kiều Nga | 25/02/2004 | Đắk Lắk | 32TSC1 | 6,3 | 3,5 | Không Đạt | |
| 55 | 27202602529 | Nguyễn Thị Kim Ngân | 28/09/2003 | Đà Nẵng | 31SHT10 | 8,0 | 5,0 | Đạt | |
| 56 | 28214502431 | Phạm Hà Nghiêm | 05/08/2004 | Đắk Lắk | 31TBN17 | 5,3 | 5,0 | Đạt | |
| 57 | 28212347094 | Phan Thanh Ngọc | 22/04/2004 | Quảng Ngãi | 31CBN10 | 8,0 | 5,0 | Đạt | |
| 58 | 29206565022 | Lê Thị Thảo Nguyên | 05/10/2005 | Đắk Lắk | 31TBN18 | 6,7 | 5,0 | Đạt | |
| 59 | 29202729595 | Trần Thị Thảo Nguyên | 06/09/2005 | Đà Nẵng | 32TSC2 | 6,3 | 6,0 | Đạt | |
| 60 | 26205100639 | Bùi Thị Yến Nhi | 09/07/2002 | Quảng Ngãi | 31SSC8 | 8,3 | 6,5 | Đạt | |
| 61 | 29206540953 | Lê Thị Tuyết Nhi | 17/04/2005 | Thừa Thiên H | 31TBN19 | 7,7 | 2,8 | Không Đạt | |
| 62 | 29206131415 | Huỳnh Hoàng Như | 11/07/2005 | Đà Nẵng | 32TSC2 | 8,0 | 5,5 | Đạt | |
| 63 | 29206664408 | Lê Phạm Tô Như | 09/08/2005 | Gia Lai | 32TSC1 | 4,3 | 5,0 | Không Đạt | |
| 64 | 28202702436 | Phan Thị Quỳnh Như | 04/08/2004 | Quảng Trị | 32TSC2 | 3,7 | 7,5 | Không Đạt | |
| 65 | 28212305293 | Võ Văn Ninh | 06/07/2004 | Đà Nẵng | 32TSC2 | 9,7 | 5,8 | Đạt | |
| 66 | 29218223353 | Ngô Quý Phái | 14/02/2005 | Đà Nẵng | 32TSC1 | 8,3 | 9,5 | Đạt | |
| 67 | 29214560253 | Từ Duy Phát | 11/06/2004 | Quảng Ngãi | 31TYC16 | 6,3 | 5,8 | Đạt | |

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | ĐIỂM THI | | | GHI CHÚ |
|-----|-------------|-------------------------|------------|--------------|---------|----------|------|-----------|---------|
| | | | | | | KTC | THUD | KẾT QUẢ | |
| 68 | 29213780374 | Liêu Trác Phong | 23/05/2005 | Hồ Chí Minh | 32TSC2 | 6,3 | 6,0 | Đạt | |
| 69 | 28218002026 | Trần Minh Phú | 18/02/2004 | Quy Nhơn | 32TSC2 | 8,0 | 7,5 | Đạt | |
| 70 | 28212300173 | Vũ Xuân Hoàng Phúc | 07/07/2004 | Đà Nẵng | 32TSC2 | 9,0 | 9,5 | Đạt | |
| 71 | 28212303805 | Nguyễn Trương Quân | 20/05/2004 | Bình Định | 31TBN19 | 6,3 | 5,0 | Đạt | |
| 72 | 29212342635 | Trần Nguyên Quân | 28/12/2005 | Đà Nẵng | 32TSC1 | 5,3 | 4,3 | Không Đạt | |
| 73 | 28212305340 | Nguyễn Dương Nhất Quang | 10/11/2004 | Bình Định | 32TSC2 | 8,7 | 5,0 | Đạt | |
| 74 | 29208260022 | Võ Thị Bích Quyên | 15/12/2005 | Gia Lai | 32TSC1 | 8,7 | 9,0 | Đạt | |
| 75 | 29212357199 | Lê Văn Tân | 21/11/2005 | Đắk Lắk | 32TSC2 | 9,0 | 7,0 | Đạt | |
| 76 | 28214650392 | Trần Xuân Thái | 30/06/2004 | Quảng Bình | 32TSC1 | 7,7 | 7,0 | Đạt | |
| 77 | 29207145390 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 16/04/2005 | Bình Định | 31TBN19 | 8,0 | 6,3 | Đạt | |
| 78 | 29208260052 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 28/11/2005 | Đà Nẵng | 32TSC1 | 10,0 | 7,0 | Đạt | |
| 79 | 29206260890 | Phạm Dương Thanh Thảo | 12/06/2005 | Đà Nẵng | 32TSC2 | 8,3 | 5,5 | Đạt | |
| 80 | 29214658245 | Trần Chí Thiện | 21/09/2005 | Đà Nẵng | 32TSC1 | 7,3 | 7,0 | Đạt | |
| 81 | 28212335031 | Ngô Quang Thịnh | 13/01/2004 | Thừa Thiên H | 32TSC1 | 8,7 | 7,0 | Đạt | |
| 82 | 29204622308 | Nguyễn Thị Trung Thu | 24/05/2005 | Gia Lai | 32TSC1 | 9,3 | 6,8 | Đạt | |
| 83 | 29206558869 | Bùi Thị Anh Thư | 25/07/2005 | Quảng Ngãi | 32TSC1 | 7,3 | 5,0 | Đạt | |
| 84 | 29207135543 | Nguyễn Hoài Thương | 24/02/2005 | Quảng Trị | 32TSC2 | 6,0 | 7,0 | Đạt | |
| 85 | 29204365269 | Đặng Thanh Thùy | 08/04/2005 | Đà Nẵng | 32TSC2 | 8,0 | 8,5 | Đạt | |
| 86 | 28202751803 | Nguyễn Thị Phương Thùy | 05/07/2004 | Đắk Lắk | 32TSC2 | 5,3 | 5,5 | Đạt | |
| 87 | 28212353497 | Nguyễn Văn Tinh | 30/12/2004 | Hà Tĩnh | 32TSC2 | 9,7 | 9,0 | Đạt | |
| 88 | 27214338576 | Lê Minh Toàn | 29/07/2003 | Quảng Nam | 31TSC16 | 6,3 | 5,8 | Đạt | |
| 89 | 29204865394 | Nguyễn Thị Thùy Trang | 20/09/2005 | Đà Nẵng | 32TSC2 | 6,7 | 8,5 | Đạt | |
| 90 | 28206201827 | Phùng Thảo Trang | 23/10/2004 | Phú Yên | 32TSC2 | 8,7 | 7,3 | Đạt | |
| 91 | 29218062759 | Phan Bá Minh Trí | 24/12/2005 | Đà Nẵng | 32TSC1 | 8,7 | 8,0 | Đạt | |
| 92 | 29208025797 | Lê Vũ Kiều Trinh | 03/03/2005 | Gia Lai | 32TSC1 | 9,3 | 8,0 | Đạt | |
| 93 | 29207153631 | Trần Thị Tuyết Trinh | 01/07/2005 | Gia Lai | 32TSC2 | 7,7 | 7,8 | Đạt | |
| 94 | 29208055424 | Trương Mỹ Trinh | 04/12/2005 | Quảng Ngãi | 32TSC1 | 8,7 | 8,8 | Đạt | |
| 95 | 28212300527 | Đặng Hữu Nhật Trường | 28/03/2004 | Khánh Hòa | 32TSC2 | 10,0 | 9,0 | Đạt | |
| 96 | 28212305625 | Lê Văn Tùng | 07/06/2004 | Hà Tĩnh | 32TSC2 | 8,3 | 8,0 | Đạt | |
| 97 | 28204951738 | Đỗ Lê Hồng Vân | 18/12/2004 | Quảng Trị | 31TYC2 | 8,0 | 7,5 | Đạt | |
| 98 | 29206548499 | Trần Ái Vân | 12/12/2005 | Bình Định | 32TSC1 | 9,7 | 5,5 | Đạt | |
| 99 | 29204346972 | Nguyễn Thanh Nhật Vi | 06/08/2005 | Quảng Nam | 31TBN19 | 6,7 | 6,3 | Đạt | |
| 100 | 28208155025 | Nguyễn Thị Yến Vi | 05/04/2003 | Quảng Nam | 31TBN19 | 7,0 | 5,5 | Đạt | |
| 101 | 29208430932 | Nguyễn Trần Hải Vy | 10/11/2005 | Đà Nẵng | 32TSC1 | 7,7 | 8,3 | Đạt | |
| 102 | 29204659918 | Ngô Thị Như Ý | 08/09/2005 | Phú Quốc | 32TSC1 | 9,7 | 8,5 | Đạt | |

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | ĐIỂM THI | | | GHI CHÚ |
|----|-------------|-----------|-----------|----------|-----|----------|------|---------|---------|
| | | | | | | KTC | THUD | KẾT QUẢ | |

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh